

Tượng Phật thời Lý - Trần qua thư tịch góp phần giám định tên gọi

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu của PGS Nguyễn Du Chi (1938-2000) góp phần giám định lại tên gọi pho tượng Phật bằng đá chùa Phật Tích (Tiên Du, Bắc Ninh), mà L.Bezacier gọi là tượng A Di Đà. Qua những tài liệu thư tịch thời Lý - Trần, cho thấy đã làm tượng Phật số lượng cực lớn, với nhiều loại tượng khác nhau: Tượng A Di Đà, tượng Thích Ca, bộ tượng Tam Thế, bộ Di Đà Tam tôn, tượng các vị Bồ Tát, La Hán ... Mặt khác, vì Phật giáo thời Lý dung nạp nhiều dòng Thiền khác nhau, nên các yếu tố Thiền tông, Mật tông và Tịnh Độ tông đều pha trộn, dung hòa và song song tồn tại. Trên cơ sở đó, tác giả suy luận rằng, vua Lý Thánh Tông (1054-1072) là người khởi xướng và tu theo dòng Thiền Thảo Đường có chủ trương nhập thế, nên khi xây chùa Phật Tích và làm tượng Phật trong lòng tháp với tên gọi Thích Ca Mâu Ni mới phù hợp.

Từ khóa: Tượng A Di Đà, tượng Thích Ca Mâu Ni, chùa Phật Tích, mỹ thuật thời Lý, mỹ thuật thời Trần, L.Bezacier, vua Lý Thánh Tông...

Nhóm bệ Phật Tam Thế chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh. Đá, thời Lý, 1118.

Văn Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa.

1. Phòng trưng bày mỹ thuật thời Lý - Trần của Bảo tàng Mỹ thuật (nay là Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam) có giới thiệu ảnh một pho tượng Phật ở chùa Phật Tích, với lời dẫn giải: Tượng A Di Đà. Ở phòng trưng bày các tượng cổ tiếp theo phía dưới (tầng 2), Bảo tàng lại đổ thạch cao nguyên cả pho tượng để trưng bày và cũng chú thích như trên.

Gần đây, một bạn đồng nghiệp của chúng tôi có cho rằng pho tượng này không phải là A di Đà, vì “Phật A Di Đà ở thời Lý rất ít được nhắc tới, nên gọi tượng Phật Tích là A Di Đà không đúng với thực tế lịch sử”, mà nó phải là tượng Thích Ca Mâu Ni “thì mới phù hợp với tính chất kiến trúc stupa và các dòng Thiền Tông lúc đó”¹.

Tượng A Di Đà chùa Phật Tích nhìn từ bên trái. Đá, Thời Lý, 1066.

Phật Tích, Tiên Du, Bắc Ninh

Tên gọi A Di Đà của pho tượng này có lẽ khởi nguồn do học giả Pháp L.Bezacier, khi đến

khảo sát và khai quật tại ngôi chùa vào đầu những năm 40 của thế kỷ này (thế kỷ 20). Từ đó cho đến nay, các tài liệu nghiên cứu gọi theo thành thói quen.

Ở bài viết này, chúng tôi muốn góp phần giám định danh tự pho tượng trên.

Phương pháp giám định tốt nhất là so sánh, đối chiếu với các pho tượng cùng thời và cùng loại. Nhưng thật đáng tiếc, tượng Phật của cả giai đoạn dài hơn 400 năm đó nay chỉ còn lại duy nhất một pho tượng này ở chùa Phật Tích mà thôi². Bởi vậy để góp phần giám định được tốt, chúng tôi trình bày dưới đây một số tình hình phát triển của tượng Phật dưới hai triều đại Lý - Trần qua một số tư liệu thư tịch, rồi từ đó sẽ rút ra những kết luận cần thiết cho việc giám định tượng Phật ở chùa Phật Tích

2. Trước hết tượng Phật hai triều đại Lý - Trần, tuy ngày nay chỉ còn lại một pho, nhưng số lượng xưa cực nhiều. Chúng ta đều biết rằng, chùa tháp thời kỳ này chiếm một số lượng rất lớn. Lê Văn Hưu, nhà sử học thời Trần, đã phải kêu lên “Nhân dân quá nửa làm sư sãi, trong nước chỗ nào cũng có chùa”³. Chùa tháp đã vậy thì chắc chắn tượng Phật cũng có số lượng không kém. Bởi vì, đã có chùa, có tháp là ít nhất cũng có một tượng Phật để thờ. Nếu muốn có nhiều hình ảnh của Phật mà không làm tượng xuể, người ta mới vẽ thêm, chưa có tài liệu nào, nói chùa mà không làm tượng. Những ngôi chùa nhỏ như chùa Linh Xứng ở Thanh Hóa (1126) thì văn bia cho biết chỉ có một tượng Phật “trang nghiêm đứng giữa thì có Ngũ Trí Như Lai sắc vàng rực rỡ, ngồi trên tòa sen trời lên mặt nước ...”⁴. Nhưng cũng có chùa tháp lớn như chùa tháp Sùng Thiện Diên Linh ở Hà Nam (1121) thì số lượng tượng lại nhiều gấp bội. Văn bia chùa cho biết, trong lòng tháp là tượng Đa Bảo Như Lai “Sức thể nguyên sâu rộng, đành hiến cả thân mình”. Trên đỉnh tháp là pho tượng “Tiên khách bung mâm, hứng móc ngọt dưới bầu trời tạnh ráo”. Còn xung quanh bốn cửa tháp lại có “tám tướng khôi ngô đứng hộ vệ, có thần nhân cầm kiếm”. Đây chính là 8 vị Kim Cương đứng chia nhau canh bốn cửa tháp, mà nay chúng ta đã tìm thấy 6 pho. Đó là chưa kể các tượng khác được đặt trên các tầng tháp mà bia không nhắc đến như tượng đầu người mình chim, nhạc sỹ thiên thần đang vỗ trống cơm trước ngực mà ngày nay chúng ta đã tìm được. Rồi bên cạnh tháp, các kiến trúc khác của chùa cũng có tượng như: “Bên tả chùa dựng cung tứ giác, ngậm hai mâm trấn đất, đội tám tướng châu trời, bên hữu chùa dựng nhà khám nhon vuông, trong đặt tượng Tân Đầu hòa thượng ...”⁵. Rõ ràng ngôi chùa có tháp đá cao 13 tầng chọc trời, do triều đình đứng ra xây dựng này gần như một tượng đài hoành tráng nhằm ca ngợi đạo Phật. Điều khắc ở đây có một số lượng lớn và đã gắn bó với kiến trúc một cách hài hòa, tạo nên một quần thể điêu khắc Phật giáo, chiếm trọn cả một ngọn đồi cao của núi Đọi Sơn.

Để hiểu thêm tình hình phong phú của tượng Phật thời này, xin dẫn ra đây thêm hai niên điểm tiêu biểu của hai thời:

- Năm 1040, Toàn thư cho biết, triều đình nhà Lý đã “mở hội La Hán ở Long Trì ... Trước đây, vua sai thợ tạc hơn một nghìn pho tượng Phật, vẽ hơn một nghìn bức tượng Phật, làm bảo phướn hơn một vạn chiếc, đến đấy công việc đã làm xong, làm lễ khánh thành”⁶.

Năm 1322, theo Tam tổ thực lục, sư Pháp Loa nhà Trần “muốn đúc một nghìn pho tượng Phật, được Bảo Từ hoàng Thái hậu, Bảo huệ Quốc mẫu, Bảo Vân công chúa, Tư đồ Văn Huệ Vương, Uy Huệ Vương, Đới Vương Quan, Thượng vị Hưng Uy hầu, Thượng phẩm Hoài Ninh hầu, Trịnh Trung tử, Hữu bật Đoàn Nhữ Hài và bọn Thượng phẩm đại lưu bang Trịnh Thành vui vẻ tán thành. Sư Thường Chiếu trụ trì chùa Phổ Quang chủ trì việc này”⁷

Sách còn cho biết thêm, vào mùa xuân năm 1324, Pháp Loa đã tới chùa Phổ Quang để làm lễ khánh tán điểm nhãn cho một nghìn pho tượng đã đúc này. Và, bản thân sư Pháp Loa, trong suốt cả đời mình, đã tổ chức đúc được 1300 pho tượng Phật và nặn hơn một trăm pho tượng bằng đất.

Rõ ràng điêu khắc Phật giáo thời Lý - Trần đã phát triển mạnh mẽ, mặc dù ngày nay chúng ta tìm thấy tác phẩm không bao nhiêu.

Phật điện trong các chùa tháp thời này cũng khá đông đúc. Qua các tài liệu thư tịch còn quá ít ỏi, chúng ta cũng hình dung được phần nào diện mạo của các loại tượng Phật. Ngay dưới thời Lý cũng đã khá nhiều loại, có Phật Quá Khứ, Phật Hiện Tại và cả Phật Tương Lai, cùng

với nhiều Bồ Tát, La Hán và các tượng Phật khác. Rất tiếc, nhiều tài liệu khi nói đến tượng Phật chỉ nêu tên thì cách gọi không thống nhất với ngày nay, nên việc tra cứu khó khăn và phức tạp. Sau đây là một số tượng Phật mà chúng tôi đã tra cứu được.

Phật A Di Đà chùa Ngô Xá. Đá, thời Lý, 1117. Yên Lội, Ý Yên, Nam Định.

Dưới thời Lý có các tượng:

- Tượng Thích Ca Mâu Ni (Sakyamuni). Thích Ca Mâu Ni là tên gọi chính của đức Phật tổ. Hầu hết các văn bia của chùa thời Lý đều có nói đến việc làm tượng này để trong chùa, mặc dù tên gọi các bia viết thường không giống nhau. Có bia gọi đích danh là Thích Ca Mâu Ni như bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (1118), hoặc gọi tắt là Thích Ca như chùa Báo Ân (1100). Nhưng phần lớn các bia khác, do lòng tôn kính nên tác giả chỉ dám gọi tên hiệu hoặc bằng những dị tướng đẹp của đức Phật. Chẳng hạn như Như Lai (chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh), tượng mình vàng (chùa Bảo Ninh Sùng Phúc, 1107), Phật vàng (chùa Linh Xứng, 1126) ... Có điều đáng chú ý là vị trí của pho tượng này thường được đặt ở trung tâm của Phật điện nói riêng và bố cục của cả chùa nói chung.

Phật A Di Đà chùa Hoàng Kim. Đá, thời Lý, 1099. Hoàng Xá, thị trấn Quốc Oai, Hà Nội.

- Tượng Đa Bảo Như Lai (Prabhutaratna). Đây là vị Phật Quá Khứ, ngài ngự ở thế giới Bảo Tịnh. Theo Từ điển Phật học⁸ thì ngài đã hiện lên ở bảo tháp khi nghe Thích Ca giảng kinh Diệu pháp liên hoa, và ngài có phán những lời tán tụng Thích Ca. Tượng này được văn bia của hai chùa Sùng Thiện Diên Linh và chùa Hương Nghiêm (1125) nói đến khi tổ chức làm pho tượng này tại các chùa.

- Tượng Phạm Vương (Bâhma), hay còn gọi là Phạm Vương hoặc Đại Phạm Thiên Vương. Ngài là chúa tể của Ta Bà thế giới, là vua của cảnh trời Đại Phạm, là chúa tể Tam thiên đại thế giới, nên còn gọi là Ngọc Hoàng thượng đế. Khi Thích Ca thành Phật, ngài có hiện đến cầu Thích Ca đi truyền Đạo cho đời và từng nghe Thích Ca giảng kinh Diệu pháp liên hoa cùng với một vạn hai nghìn chư thiên. Khi Thích Ca ở cung tiên trời Đạo Lợi trở về, ngài cùng với Đế Thích theo châu. Ngài cầm lọng che nắng cho Thích Ca.

- Tượng Đế Thích (Sakra). Đế Thích Là vua ở cung trời Đạo Lợi cõi Dục giới. Khi Thích Ca giảng sinh, ngài có ngự xuống chúc mừng và khuyên xuất gia. Ngài đã cùng với Phạm Vương theo hầu Thích Ca đức Phật từ cõi Đạo Ly trở về. Đế Thích đã cầm Bạch phát để đuổi ruồi cho Phật.

Cả hai tượng Phạm Vương và Đế Thích mới được Toàn thư nói đến trong việc năm 1057, Lý Thánh Tông đã cho “làm hai chùa Thiên Phúc và Thiên Thọ, đúc hai pho tượng Phạm Vương và Đế Thích bằng vàng để phụng thờ ...”⁹.

- Tượng Ca Diếp (Kasyapa). Đây không phải là Ma Ha Ca Diếp, vị Tổ thứ Nhất được Thích Ca truyền Y bát trước khi Ngài nhập Niết bàn, mà là vị Phật của Quá Khứ. Văn bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh khi nói đến việc này cũng đã giải thích rõ như vậy. Theo giáo lý của đạo Phật, trong Hiền kiếp (kiếp Hiện tại) sẽ có 1000 đức Phật ra đời, mà Ca Diếp trên đây là người thứ Ba và mới có người thứ Tư là Thích Ca Mâu Ni.

- Tượng Di Lặc (Matreya). Di Lặc là vị Phật của Tương Lai. Ngài là vị Bồ Tát sẽ thành Phật kế tiếp đức Thích Ca Mâu Ni. Hiện Ngài đang ở cung trời Đâu Suất. Khi ngài xuất hiện thì thế giới có thái bình sung sướng. Con người sẽ hưởng thọ 80 ngàn tuổi ...

Tượng này cũng được văn bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh nhắc đến khi làm chùa cùng với tượng Ca Diếp và Thích Ca Mâu Ni nói ở trên. Điều đáng chú ý là văn bia nói rõ tượng Thích Ca ở giữa, hai tượng Quá Khứ và Tương Lai đặt ở hai bên. Rất có thể Phật điện thời Lý chưa có tượng Tam Thế, mà người ta mới thể hiện Tam Thế của Phật giáo theo kiểu như thế này. Hiện nay tại chùa còn lại 3 bệ đá sư tử đội tòa sen có hoa văn thời Lý, có lẽ là bệ của 3 tượng này.

Bệ tượng A Di Đà chùa Hoàng Kim. Đá, Thời Lý, 1099.

Hoàng Hóa, Thị trấn Quốc Oai, Hà Nội

Một pho tượng Di Lặc khác được làm sớm hơn pho ở chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, đó là pho ở viện Từ Thị Thiên Phúc trên núi Tiên Du (chắc gần chùa Phật Tích). Toàn thư ghi rõ: năm 1041, sau khi vua Lý Thái Tông đến xem làm công trình kiến trúc trên trở về, đã “xuống chiếu phát 7600 cân đồng trong kho để đúc tượng Phật Di Lặc và hai vị Bồ Tát Hải Thanh và Công Đức cùng chuông để ở Viện”¹⁰.

Sư Pháp Loa thời Trần cũng đã có hai lần đúc tượng Di Lặc. Một lần vào cuối 1324, do Tư đồ Văn Huệ Vương cùng Công chúa Thượng Trân cúng 900 lạng vàng và Di Loan cư sỹ cùng Bảo Từ Hoàng Thái hậu cúng hơn 300 mẫu ruộng và đất để nhà sư lo việc đúc tượng. Tượng này cao 1 trượng 6 thước (khoảng 5,5m). Lần thứ hai, năm 1327, sư Pháp Loa lại đúc một pho Di Lặc cho chùa Quỳnh Lâm. Tượng này cũng rất lớn, phải làm một năm sau mới xong. Lúc khánh thành phải nhờ cả đơn vị cấm quân đi hầu vua kéo giúp tượng lên bệ mới được việc.

- Tượng A di Đà (Amitabhā). Đây cũng là một tượng Phật Quá Khứ, là vị giáo chủ của thế giới cực lạc Tây phương. Người thường hiện thân đi tiếp dẫn chúng sinh có duyên tu niệm. Người thường có nhiều tên, mỗi tên thể hiện một tính cách. Ví như: Vô Lượng Quang Phật, nghĩa là ánh sáng của Người chiếu tới muôn cõi thập phương mà không có gì ngăn cản được; Vô Lượng Thọ Phật, là đời sống của Người và các chư Phật chư Thánh trong nước Ngài dài vô lượng vô biên; Thanh Tịnh Quang Phật, là Người trong sạch, không mây may bụi; Hoan Hỷ Quang Phật, là hào quang của Người đầy vui sướng, ai được chiếu sẽ an lạc, thư thái, trí huệ của hào quang ấy chiếu đến đâu đánh tan các mối mờ đục tối tăm ...

Tượng A Di Đà được hai lần nhắc đến trong bia chùa Sùng Thiện Diên Linh, đoạn nói về công đức nhà vua (Lý Nhân Tông) cho mở mang Phật giáo, làm các tượng A Di Đà và các tượng khác ở Thăng Long. Văn bia chùa Viên Quang (1167) cũng nói về việc làm tượng này tại chùa. Tượng được đặt ở một vị trí trang trọng nhất trong các tượng có ở chùa. Một tài liệu nữa cũng nhắc đến tượng Phật A Di Đà là những dòng chữ khắc ở bệ tượng Phật chùa Kim Hoàng. Đoạn văn nói về sư Trì Bát cuối đời đã về tu ở quê, ông đã khuyến giáo tăng tục, dựng một pháp tràng lớn và dựng tượng A Di Đà năm 1099¹¹.

Ngoài các tượng Phật đã nói ở trên, các tài liệu thư tịch còn nói đến tượng các Bồ Tát, Hộ Pháp, La Hán ... những người đã góp công hộ trì cho các đức Phật. Phần lớn các tượng này chỉ được nhắc chung chung, một số tượng Phật khác mà hiện nay chưa tra cứu được lai lịch cụ thể. Tuy nhiên có một số được ghi rõ, cụ thể là:

- Ngũ Trí Như Lai (bia chùa Linh Xứng).
- Bảo Thắng Như Lai (bia chùa Sùng Thiện Diên Linh).
- Đại Nguyên (ở Long Trì, 1036, theo Toàn thư).
- Tượng Tân Đầu hòa thượng (chùa Sùng Thiện Diên Linh). Tên đầy đủ là Tân Đầu Lô Đọa Thệ. Vốn là một vị La Hán, bấy tôi của vua Ưu Diên, tu đắc đạo, nhưng vì trổ phép thần thông bừa bãi nên bị Phật quở trách, không được ở cõi Nam Phù Đế. Phật sai ông đến giáo hóa ở châu Tây Cổ Già Ni. Sau chúng sinh ở Nam Phù Đế nhớ ông, tâu xin Phật cho ông về, Phật bằng lòng nhưng không cho nhập Niết Bàn, mà bắt ông vĩnh viễn ở Ma Lê Sơn¹².
- Tượng Kim Cương (Vajrapani). Còn gọi là thần Kim Cương Mật Tích hay lực sỹ Kim Cương. Gồm 8 vị, là những thiên thần cầm cái chày kim cương, thể hiện cái oai thế lớn, đến ủng hộ Phật pháp. Bia chùa Sùng Thiện Diên Linh có mô tả các tượng này.
- Tượng Bồ Đề Đạt Ma. Gọi theo phiên âm tiếng Hán là Trụ Thế Thượng Nhân. Đây là tượng của một trong 28 vị Tổ đã nối tiếp nhau gìn giữ Phật pháp khi Phật qua đời. Bồ Đề Đạt Ma là vị Tổ thứ 28. Về sau ngài sang Trung Quốc truyền đạo và trở thành vị Tổ đầu tiên của dòng Thiền ở Trung Quốc. Tượng này được nói đến ở chùa Viên Quang. Phải chăng các vị Tổ khác cũng đã có nhiều, mà vì tài liệu quá ít ỏi nên chúng ta chưa biết? Cũng như trường hợp các tượng Phật ở trên, còn có một số tên các Hộ Pháp, Bồ Tát ... mà ta chưa tra cứu được lai lịch. Đó là các tượng:

- Kiểu Trần Đa La Tạng Hộ Pháp (chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh).
- Các Bồ Tát Hải Thanh và Công Đức (viện Từ Thị và chùa Thiên Phúc, Toàn thư, 1041).

Các tư liệu thời Trần lại bổ xung cho chúng ta một số tượng nữa. Những tượng này rất có thể đã có trên các Phật điện thời Lý, nhưng vì thiếu tài liệu nên chúng ta chưa biết. Các tượng này bao gồm:

- Tượng Tam Thế. Tên gọi đầy đủ: Thường Trụ Tam Thế Diêu Pháp Thân. Gồm ba pho tượng, tượng trưng cho 3000 vị Phật ở ba thời: Quá Khứ, Hiện Tại và Tương Lai. Văn bia chùa Sùng Nghiêm (1327) đã cung cấp cho chúng ta tài liệu về việc đúc bệ tượng này ở chùa. Ngày nay chúng ta còn gặp khá nhiều bệ đá hoa sen hình hộp có niên đại thời Trần. Rất có thể chúng là bệ của các tượng Tam Thế.

- Tượng Quan Âm, hay gọi đầy đủ là Quan Thế Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara). Tên gọi của tượng với ý nghĩa nghe tiếng kêu của mọi chúng sinh để tới cứu vớt. Vì vậy tượng có nhiều tay, nhiều mắt. Quan Âm đã cùng góp sức A Di Đà tiếp dẫn chúng sinh vào cõi Cực lạc. Văn bia chùa Sùng Nghiêm nói trên đã nói đến việc làm tượng Quan Âm, mà gọi là Đại Bi. Nhưng chúng ta biết được đó là tượng Quan Âm, vì một tài liệu khác nói về tượng đó, cũng của thời Trần, Tam tổ thực lục, đã ghi rõ vào năm 1321: “Thượng phẩm Hoài Ninh Hầu đúc pho tượng Đại Bi nghìn tay và xin được trao tâm giới Bồ đề ...”¹³. Và cũng trong tài liệu này, ở phần nói về vị Tổ thứ Ba là Huyền Quang, có nhắc đến việc nhà sư này vào khoảng năm 1303 từng có ghé về “thăm cha mẹ, bèn dựng chùa Đại Bi phía Tây nhà và phía Đông chùa Ngọc Hoàng. Đại Bi là Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát”.

Thực ra, tượng Quan Âm đã có từ thời Lý, khi vua Lý Thái Tông nằm chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, dắt vua lên. Nhà vua cho làm chùa Diên Hựu để giải vận hạn. Tài liệu chỉ mới nói là nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa dựng cột đá ở giữa, làm tòa sen của Phật Quan Âm ở trên. Còn việc tiến hành đúc hoặc tạc tượng cụ thể như thế nào thì chưa rõ. Đến thời Trần, như đã trình bày ở trên, việc làm tượng Quan Âm đã được chú ý phát triển nhiều và đến thời Mạc thì đã trở thành phổ biến rộng rãi trên các Phật điện.

Những tượng đã có trên Phật điện thời Lý, chắc chắn đến thời Trần vẫn tiếp tục đúc và phát triển thêm như các tượng Di Lặc, tượng Thích Ca. Đáng chú ý là tượng A Di Đà đến thời này đã có sự kết hợp cả ba pho mà thuật ngữ Phật học quen gọi là Di Đà Tam tôn (gồm A Di Đà, Quan Thế Âm và Đại Thế Chí). Tài liệu Tam tổ thực lục không dùng thuật ngữ này, nhưng qua việc trình bày, chúng ta cũng thấy rõ. Đó là việc năm 1324, sư Pháp Loa có “tạc và sơn hai bộ Bồ Tát A Di Đà, mỗi bộ ba pho”¹⁴ cho chùa Phổ Quang.

Trở lên trên là một vài nét về tình hình tượng Phật thời Lý - Trần qua các tài liệu thư tịch. Chắc chắn việc trình bày trên đây vẫn chưa đủ như thực tế vốn có của nó, vì còn nhiều tài liệu thư tịch đáng tin cậy khác mà chúng tôi chưa có điều kiện khai thác hết. Hy vọng rồi đây còn được bổ sung nhiều nữa, để dựng được bộ mặt của Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần.

3. Trở lại việc tên gọi A Di Đà của pho tượng chùa Phật Tích, chúng tôi xin có mấy ý kiến như sau:

Nếu nói pho tượng này không phải là A Di Đà, vì A Di Đà thời Lý rất ít được nhắc tới¹⁵ thì hoàn toàn không đúng. A Di Đà đã được nói đến nhiều ở thời Lý, đến nỗi người ta làm cả tượng để trên Phật điện mà thờ cúng. Bia chùa Sùng Thiện Diên Linh, bia chùa Viên Quang và những dòng chữ trên bệ tượng ở chùa Kim Hoàng đã nói rõ điều đó. Tuy nhiên, Phật điện thời Lý đã có khá nhiều tượng A Di Đà là một chuyện, còn tượng Phật chùa Phật Tích có phải A Di Đà không lại là chuyện khác. Vấn đề này khá phức tạp, vì tư liệu ít ỏi, mà Phật điện của thời Lý lại không đồng nhất, mỗi chùa thờ một kiểu.

Nếu điểm lại những chùa tháp có bia nói rõ việc làm các tượng và vị trí các tượng thì đa số có chung một đặc điểm là: chỗ trang trọng nhất, chỗ trung tâm nhất của Phật điện thời Lý đều giành để đặt tượng Thích Ca hoặc các tượng cùng thời với Thích Ca. Chỉ có một chùa Viên Quang mới lấy vị trí đảo cho tượng A Di Đà. Chùa Kim Hoàng thì chưa rõ bệ tượng A Di Đà từ xưa có nằm ở trung tâm hay không. Còn các tượng A Di Đà mà bia chùa Sùng Thiện

Diên linh nhắc đến khi nói về công đức của vua Lý Nhân Tông, cũng nói rõ vị trí các tượng này không ở trung tâm của Phật điện. Mà chúng ta đều biết rằng, pho tượng Phật ở chùa Phật tích vốn trước kia được đặt trong lòng tháp thuộc trung tâm của chùa do Lý Thánh Tông sai Lang tướng Quách Mãn về xây dựng năm 1066. Nếu căn cứ vào quy luật nói trên thì khả năng tượng đặt trong lòng tháp phải là tượng Thích Ca, hoặc một tượng Như Lai nào đó của thời Hiện Tại, thì hợp lý hơn.

Mặt khác, vì Phật giáo thời Lý dung nạp nhiều dòng Thiền khác nhau, nên các yếu tố Thiền tông, Mật tông và Tịnh Độ tông đều pha trộn, dung hòa và song song tồn tại. Bởi vậy, các Phật điện thời Lý không đồng nhất. Chúng ta không thể lấy quy luật của đa số để quyết định được mà chỉ coi nhận định trên là một khả năng.

4

. Cuối cùng, để góp phần xác định danh tự pho tượng

Phật chùa Phật Tích, chúng ta hãy xét đến lai lịch, tông tích nhà sư trụ trì chùa thời khởi tạo, hay đúng hơn là lai lịch, tông tích người đứng ra làm tượng, làm tháp ở Phật tích này thuộc phái Tịnh Độ Tông thì sẽ tin vào sự giúp đỡ bên ngoài của các chư Phật và Bồ Tát, nên họ đã tụng niệm Phật A Di Đà, để lúc lâm chung, Ngài sẽ đưa về cõi thế giới cực lạc của Ngài. Và nếu vậy thì Phật điện các chùa tháp của họ sẽ có tượng A Di Đà, và tượng chiếm vị trí trung tâm chùa tháp.

Nếu là người theo phái Thiền tông thì không thể. Khác với thế giới cực lạc của Phật A Di Đà là thế giới Ta Bà (tức trần gian là của chúng ta) đều uế tạp và trược ác. Thế giới Ta Bà do Phật Thích Ca Mâu Ni làm giáo chủ. Những người tu theo phái Thiền tông cho rằng tu hành phải kham nhẫn, phải chịu mọi nhằn nhục, nghĩa là phải nhin với mọi khổ não, phải tự lực phấn đấu để kiên định, để vượt qua mọi khổ ải tiến tới đắc quả Phật, được Phật Thích Ca dắt vào cõi Niết Bàn. Bởi vậy, họ thờ Thích Ca, Phật điện của họ có tượng Thích Ca làm trung tâm.

Chùa Phật Tích được triều đình nhà Lý cho xây dựng từ năm 1057, và đến năm 1066 thì tiếp tục xây tháp và làm tượng. Chưa rõ trong khoảng thời gian 9 năm về trước khi xây tháp đó, triều đình nhà Lý cử nhà sư nào về trụ trì ở chùa và ông ta có phải là cố vấn cho Lang tướng Quách Mãn trong quá trình xây tháp hay không. Nhưng có điều chắc chắn là vua Lý Thánh Tông là người đã đứng ra chủ trương việc xây chùa, xây tháp này chắc chắn mọi việc cụ thể của nó có sự xét duyệt và đồng ý của nhà vua.

Lý Thánh Tông là một ông vua anh minh và nhân từ, có nhiều chủ trương sáng suốt như khoan giảm hình luật, coi trọng nghề nông và đặc biệt là mở mang việc học hành để đào tạo nhân tài cho đất nước. Nhà Vua cũng tham gia đạo Phật nhưng khác với cha mình, ông không theo dòng Thiền Vô Ngôn Thông, mà cùng với sư Thảo Đường lập ra dòng Thiền mới, đó là dòng thiền Thảo Đường. Tài liệu về dòng Thiền này còn lại quá ít ỏi, nhưng có điều rõ ràng là nó đã tập hợp những người theo đạo Phật của tầng lớp quý tộc. Và nó biết lấy tư tưởng nhập thế của đạo Phật phục vụ cho đời và biết dung hòa mọi tôn giáo để xây dựng một đất nước giàu mạnh và độc lập tự chủ. Một dòng Thiền như vậy lại được thực hiện cụ thể trong một con người như Lý Thánh Tông thì chắc chắn dòng Thiền đó không theo Tịnh Độ tông, mà vẫn lấy nét tích cực của Thiền tông làm gốc¹⁶. Bởi vậy, pho tượng chùa Phật Tích chắc phải là tượng Phật Thích Ca Mâu Ni thì mới phải.

Có một chi tiết nhỏ nhưng cũng góp phần minh họa cho nhận định trên là, vào năm 1057, nghĩa là mới lên ngôi được 4 năm, Lý Thánh Tông đã cho xây dựng nhiều chùa tháp, như tháp Báo Thiên, chùa Phật Tích..., trong đó đáng chú ý có hai chùa Thiên Phúc và Thiên Thọ, và đúc hai pho tượng Phạm Vương và Đế Thích bằng vàng để phụng thờ. Lai lịch của hai vị Phật này mà phần trên chúng tôi đã trình bày lại là những vị Phật có nhiều mối quan hệ với Phật Thích Ca Mâu Ni. Khi Thích Ca giáng sinh cũng như khi nhập niết bàn, cả hai vị Phật này đều hiện xuống. Cả hai cũng từng nghe Thích Ca giảng kinh Diệu pháp liên hoa, và cũng từng theo hầu khi Thích Ca từ cung trời Đao Lợi trở về ... Việc làm tượng hai đức Phật này càng chứng tỏ Lý Thánh Tông thờ Phật Thích Ca Mâu Ni là xác đáng, và tượng Phật ở

tháp Phật Tích phải là tượng Thích Ca Mâu Ni mới phù hợp.

Những trình bày trên đây của chúng tôi dẫu sao cũng chỉ là những đoán định. Cần phải có nhiều tài liệu khác bổ sung và thẩm định lại một cách kỹ càng hơn. Rất có thể khi xây dựng chùa Phật Tích (1057) đã có làm tượng Phật Thích Ca để ở thượng điện của chùa rồi, nên đợt làm bổ sung này (1066) chỉ làm tượng Đa Bảo Như Lai đang hiện lên trong bảo tháp để nghe Thích Ca giảng kinh (như đã làm ở tháp Sùng Thiện Diên Linh), hoặc cũng có thể đó là tượng A Di Đà để bổ sung cho có đủ mặt các tông phái như Lý Nhân Tông đã từng làm ở Thăng Long mà bia Sùng Thiện Diên Linh đã kể...

Hơn nữa, như đã nói ở trên, tình hình Phật giáo thời Lý rất phức tạp. Một số thiền sư như Trì Bát, vốn là người của phái Thiền tông, lại có pha chút Mật tông, ấy thế mà về sau trở về quê lại làm tượng A Di Đà để tu niệm (chùa Hoàng Kim). Hoặc như sư Giác Hải cũng vậy. Vốn là người theo phái Thiền tông có pha chút Mật tông, về sau sư lại được Thiền uyển tập anh liệt vào dòng Thiền Thảo Đường, nhưng cũng vào cuối đời làm chùa Viên Quang (1167) lại vẫn thờ A Di Đà làm trung tâm của Phật điện¹⁷. Thật là khó hiểu.

Do vậy, những điều trình bày trên đây, tuy có đưa ra những điều để bàn cho hết nhẽ, nhưng vẫn xin coi đó là một điều tham khảo./.

N.D.C

Chú thích:

1. Trần Lâm Biền (1985), “Vài vấn đề cần quan tâm trong mỹ thuật hồi đầu tự chủ”, Tạp chí Mỹ thuật, số 1, tr. 35. Xem thêm Mỹ thuật của người Việt, Nxb Mỹ thuật, H. 1989, tr. 71.
2. Những năm gần đây, các nhà nghiên cứu mỹ thuật cổ có công bố thêm 2 pho tượng đời Lý khác:

- Tượng Phật chùa Ngô Xá (Nam Định).
- Tượng Phật chùa Hoàng Kim (Thạch Thất, Hà Tây cũ).

Xem: Trần Lâm Biền (1982), “Tượng Quan Âm Nam Hải thế kỷ XVI”, Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật, số 3. Trần Lâm Biền - Chu Quang Trứ: “Thêm hai pho tượng Phật thời Lý”, trong Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1983, tr. 212.

Những minh chứng về phong cách hai pho tượng này chưa thật thuyết phục, các nhà nghiên cứu còn ngờ vực về niên đại.

3. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, Đại Việt sử ký toàn thư (trở xuống gọi tắt là Toàn thư). Nxb Văn hóa, H. 1973, tr. 16.
4. Viện Văn học (1977). Thơ văn Lý - Trần. Nxb Khoa học Xã hội, H., tập I. Trở xuống, tất cả văn bia chúng tôi đều lấy từ nguồn tư liệu này (cả các tập sau).
5. Chưa rõ là tượng gì.
6. Toàn thư, sách đã dẫn, tập I, tr. 217.
7. Tam tổ thực lục. Tài liệu dịch của Viện Văn học.
8. Đoàn Trung Còn. Từ điển Phật học. Lai lịch các tượng chúng tôi dựa chủ yếu vào nguồn tư liệu này.
9. Toàn thư, sđd, tập I, tr. 230.
10. Toàn thư, sđd, tập I, tr. 218.
11. Lê Thị Liên. “Những dòng chữ trên bệ đá thời Lý ở chùa Hoàng Kim (Hà Sơn Bình)”, trong Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1985, tr. 163. Xem thêm, Hà Văn Tấn “Bệ tượng chùa hoàng Kim với sư Trì Bát thời Lý”, trong Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1987, tr. 129.
12. Dẫn lại chú giải số 80 của Thơ văn Lý - Trần, sđd, tập I, tr. 417.
13. Tam tổ thực lục. Tài liệu đã dẫn.
14. Tam tổ thực lục. Tài liệu đã dẫn.
15. Gần đây, Trần Lâm Biền lại viết: “Trên thực tế của tạo hình, tới đầu thời tự chủ, dưới triều Lý, đức Phật A Di Đà mới chỉ dè dặt bước vào thần điện của người Việt”, trong Phật giáo và văn hóa dân tộc (1989). Thư viện Phật giáo xuất bản, tr. 84. Nói như vậy có phần hợp lý hơn.

16. Trong bài “Vài nét về giáo lý Tịnh Độ Tông”, đại đức Thích Thanh Quyết có viết: “ở hoàn cảnh nào có pháp môn thích hợp với xã hội ấy. Khi đất nước thanh bình, nhân dân no ấm, phồn thịnh, thì pháp môn tu nhà Phật đa phần hướng về tự lực. Khi dân tộc gặp khó khăn, bị nhiều mối đe dọa, tự lực chưa thể đáp ứng nhanh chóng và rộng rãi được thì pháp môn tu nhà Phật chủ yếu hướng về Tha Lực... Xã hội Việt Nam thời Lý - Trần là một xã hội độc lập tự chủ với tinh thần tự cường, nên Phật giáo hầu hết là Thiền Tông. Sang đời Lê, đất nước trải qua nhiều cơn binh hỏa. Thiền Tông yếu thế dần dần. Đến đời Nguyễn lại càng suy yếu. Khi Việt Nam lệ thuộc Pháp thì Thiền Tông mất dạng. Tịnh Độ Tông xuất hiện và thịnh hành ...” (Phật giáo và văn hóa dân tộc”, sđd, tr.50-56).

17. Sư Trì Bát thuộc thế hệ thứ 12 dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, học trò sư Sùng Phạm ở chùa Pháp Vân. Về sau trở về quê tu ở chùa Tổ Phong, núi Thạch Thất.

Sư Giác Hải thuộc thế hệ thứ 10 dòng Thiền Vô Ngôn Thông. Ông cùng với sư Không Lộ đều là học trò của sư Hà Trạch. Cả hai về sau lại thừa kế sư Ngô Xá, trở thành thế hệ thứ hai của dòng Thiền Thảo Đường.

STATUES OF BUDDHA IN THE LY - TRAN DYNASTY THROUGH BIBLIOGRAPHIES, CONTRIBUTING TO EXAMINING THE NAME OF A BUDDHA STATUE DISPLAYED AT VIETNAMESE FINE ARTS MUSEUM

Abstract: Research article by Associate Professor Nguyen Du Chi (1938-2000) contributes to rename of the stone Statue of Buddha at Phat Tich Pagoda (Tien Du, Bac Ninh), which is called Statue of Amitabha by L.Bezacier. With bibliographies of the Ly - Tran dynasties, in addition to the sculpture of a extremely large number of statues of Buddha, these two dynasties also sculpted many other different statues including statue of Amitabha, statue of Shakyamuni, set of three statues of Buddha, set of three statues of Amitabha, statues of Bodhisattva, Arhat ... Besides, Buddhism during the Ly Dynasty accepted various meditation schools. As a result, aspects of Zen, Tantra and Pure land were all mixed and co-existed in harmony. On this basis, the author deduces that King Ly Thanh Tong (1054-1072), the initiator and follower of the Thao Duong Meditation, was the one with life-based viewpoints; therefore, when building Phat Tich Pagoda and sculpting statue of Buddha within the tower, the statue name Shakyamuni totally fitted.

Key words: Statue of Amitabha, Statue of Shakyamuni, Phat Tich Pagoda, L.Bezacier, fine arts of the Ly Dynasty, fine arts of the Tran Dynasty, King Ly Thanh Tong.